TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2022.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mão

2. Ông: Nguyễn Văn Cử

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư, thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên toà*:* Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại phòng xét xử. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về " ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tống Thị B, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn Ng L, xã Y L, huyện Y M, tỉnh N B.

2. Bị đơn: Anh Phạm Khắc Ngh, sinh năm 1987, vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Phong L N, xã Y Đ, huyện Y M, tỉnh N B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tống Thị Bé trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị B và anh Phạm Khắc Ngh tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình vào ngày 18/7/2019. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm, hai vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi nhau. Từ khi về chung sống anh Ngh thể hiện là con người vũ phu, hay đánh vợ. Đỉnh điểm của mâu thuân là ngày 12/3/2022 anh Ngh đi chơi qua

đêm không về nhà, ngày hôm sau anh Ngh về đến nhà lại to tiếng đánh chị. Anh Ngh thể hiện là người sống không có trách nhiệm với gia đình do đó vợ chồng ly thân, chị bế con về nhà bà ngoại ở xã Yên Lâm để ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay, nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh Ngh.

+ Về con chung: Chị và anh Ngh có con 01 con chung cháu Phạm Ánh D, sinh ngày 10/02/2020. Ly hôn chị đề nghị Tòa án cho được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho tới khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, đề nghị anh Ngh cấp dưỡng để chị nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

+ Về chia tài sản chung và công nợ: Chị và anh Ngh không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Ngày 22/3/2022 anh Ngh có bản tự khai xác định anh và chị B kết hôn với nhau vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Ngh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, việc chị B làm đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

+ Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị B có 01 con chung cháu Phạm Ánh D, sinh ngày 10/02/2020 hiện nay cháu đang ở cùng với chị B ở nhà mẹ đẻ của chị B ở xã Yên Lâm, huyện Yên Mô. Ly hôn anh nhất trí để chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu D cho đến khi thành niên. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu D thành niên.

+ Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị B không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra chứng và hòa giải. Trong buổi hòa giải và kiểm tra chứng cứ anh Ngh không có mặt, anh Ngh đi khỏi địa phương, đi đâu làm gì thì chị B và gia đình không biết. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt đối với người cố tình dấu địa chỉ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: Về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55, điều 81, điều 82, điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị B xử cho chị Tống Thị B được Ly hôn với anh Phạm Khắc Ngh; giao cho chị Tống Thị B được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Ánh D sinh ngày 10/02/2020 cho đến khi cháu D đủ

18 tuổi Anh Ngh phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị B mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi; chị B phải nộp án phí dân sự số tiền là 300.000đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp. Anh Ngh phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại phiên không hòa giải được và công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Ngh có hộ khẩu tại xã Yên Đồng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện Yên Mô giải quyết, theo Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm Khắc Ngh vắng mặt tại phiên họp kiểm tra chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa. Tòa án xử vắng mặt anh Ngh theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Tống Thị B và anh Phạm Khắc Ngh xây dựng gia đình với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền. Nay chị B xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên đề nghị xin được ly hôn, được quy định tại Điều 56 Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình .

[3] Chị Tống Thị B và anh Phạm Khắc Ngh xây dựng gia đình với nhau vào tháng 7/2019, sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được thời gian khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn sảy ra hai bên không tìm được tiếng nói chung để giải quyết mâu thuẫn, dẫn tới hai vợ chồng ly thân từ tháng 3/2022. Hai bên không còn quan tâm đến nhau, chị B và cháu D đã về nhà bố mẹ đẻ của mình ở địa chỉ xóm 1, Ngọc Lâm, xã Yên Lâm, huyện Yên Mô để ở. Còn anh Ngh vẫn ở xã Yên Đồng hai bên không còn quan tâm đến nhau. Việc chị B trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng hai bên không có biện pháp nào để vợ chồng trở về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 22/3/2022 anh Ngh có bản tự khai xác định anh và chị B kết hôn với nhau vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Ngh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, việc chị B làm đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị B có 01 con chung cháu Phạm Ánh D, sinh ngày 10/02/2020 hiện nay cháu đang ở cùng với chị B ở nhà mẹ đẻ của chị B ở xã Yên Lâm, huyện Yên Mô. Ly hôn anh nhất trí để chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu D cho đến khi thành niên. Anh có

nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu D thành niên.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Anh Ngh không có mặt. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt đối với người cố tình dấu địa chỉ nhưng anh Ngh đi đâu, làm gì gia đình không biết. Để đảm bảo quyền của phụ nữ về ly hôn cũng như việc chăm sóc giáo dục con chung. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Ngh chị B đã trầm trọng, hai bên không còn quan tâm đến đời sống chung của nhau, mục đích của cuộc hôn nhân không còn. Việc chị B làm đơn xin ly hôn anh Ngh là có căn cứ về mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị B được ly hôn với anh Ngh, căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:Trong thời kỳ hôn nhân anh Ngh và chị B có 01 con chung cháu Phạm Ánh D, sinh ngày 10/02/2020 hiện nay cháu đang ở cùng với chị B ở nhà mẹ đẻ của chị B tại xã Yên Lâm, huyện Yên Mô. Do cháu D còn nhỏ việc giao cháu cho mẹ nuôi là cần thiết, anh Ngh cũng nhất trí để chị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và nhất trí việc cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng trên tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Căn cứ điều 81, điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh Ngh không có tài sản chung cũng như nợ chung.

[6] Về án phí: Chị Tống Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Ngh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử: Cho chị Tống Thị B ly hôn với anh Phạm Khắc Ngh. Quan hệ hôn nhân của chị Tống Thị B với anh Phạm Khắc Ngh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Tống Thị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng cháu Phạm Ánh D, sinh ngày 10/02/2020 cho tới khi cháu Phạm Ánh D thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Khắc Ngh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng, kể từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu Phạm Ánh D thành niên.

Kể từ ngày chị Tống Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì anh Phạm Khắc Ngh còn phải trả số tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị B, anh Ngh có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị B anh Ngh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Tống Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị B đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0006293 ngày 22/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình.

Anh Phạm Khắc Ngh phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Ngh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Đồng, huyện Yên Mô;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Phan Ngọc Hà